

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

NGÀNH : NGÔN NGỮ ANH

MÃ NGÀNH : 8220201

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 204/QĐ-UEF ngày 10 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: NGÔN NGỮ ANH
- Tên tiếng Anh: ENGLISH LANGUAGE

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ.

Thời gian đào tạo: 2 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh
- Tên tiếng Anh: Master of English Language

Hình thức đào tạo: Chính quy.

Bậc trình độ: Bậc 7 Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Khóa học áp dụng: 2024 - 2026.

1.2. Mục tiêu đào tạo:

1. Mục tiêu đào tạo

a) Mục tiêu chung (Program Goals)

Đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh theo định hướng ứng dụng, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp vững vàng nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội về nghiên cứu và giảng dạy tiếng Anh; trang bị cho học viên kiến thức thực tiễn, có trình độ chuyên môn sâu, có kiến thức ngôn ngữ, văn hóa và phương pháp giảng dạy tiếng Anh, có kỹ năng thực hành tốt, có khả năng tư duy các vấn đề lý thuyết để giải quyết được những vấn đề thực tiễn liên quan đến việc sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp cũng như có khả năng nghiên cứu khoa học độc lập, làm việc nhóm và hội nhập cao, có khả năng tự học để nâng cao trình độ.

b) Mục tiêu cụ thể (Program Objectives – POs)

PO1 (Kiến thức). Cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về triết học; kiến thức thực tế sâu, rộng; kiến thức nền tảng và chuyên sâu về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ Anh; kiến thức bổ trợ cần thiết để phục vụ yêu cầu công việc.

PO2 (Kỹ năng). Trang bị, rèn luyện cho người học kỹ năng thực hành nghề nghiệp về các khía cạnh liên quan đến ngôn ngữ Anh và giảng dạy tiếng Anh; ứng dụng kiến thức chuyên môn và liên ngành để giải quyết những vấn đề thực tế; kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm và hội nhập toàn cầu.

PO3 (Mức tự chủ và trách nhiệm). Hình thành và phát triển cho người học ý thức đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm cộng đồng; năng lực tư duy độc lập, sáng tạo và phối hợp với người khác trong học tập, nghiên cứu và làm việc, thích nghi với các môi trường làm việc đa văn hóa và hội nhập.

1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện theo Quyết định số: 203/QĐ-UEF ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, hệ chính quy, khóa 2024.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ tích lũy. Trong đó:

STT	Khối kiến thức	Khối lượng kiến thức				Số học phần/môn học
		Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tỉ lệ %	
I.	Kiến thức chung	4	4	-	6,7%	1
1.1	Triết học	4	4	-		1
II.	Kiến thức ngành	41	26	15	68,3%	14
2.1	Nghiên cứu khoa học	5	5	-	8,3%	2
2.1.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3	-		1
2.1.2	Chuyên đề nghiên cứu	2	2	-		1
2.2	Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành	36	21	15	60,0%	12
2.2.1	Bắt buộc	21	21	-	-	7
2.2.2	Tự chọn	15	-	15	-	5

III.	Kiến thức tốt nghiệp	15	15	-	25,0 %	2
3.1	Chuyên đề thực tế	6	6	-	-	1
3.2	Đề án tốt nghiệp	9	9	-	-	1
	Tổng cộng	60	45	15	100%	17
			75.0%	25.0%		

2.2. Khung chương trình:

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh					
I. Kiến thức chung								
1.1	PHI6101	Triết học	Philosophy	BB		4		
II. Kiến thức ngành								
II.1. Nghiên cứu khoa học								
2.1	ENC6117	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Ngôn ngữ Anh	Research Methods in English Language Studies	BB		3	2	1
2.2	ENC6101	Chuyên đề nghiên cứu	Seminar on thesis writing	BB		2	1	1
II.2. Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành								
2.3	ENC6102	Chuyên đề viết học thuật	Seminar on Academic Writing	BB		3	2	1
2.4	ENC6103	Tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai	Second Language Acquisition	BB		3	3	
2.5	ENC6104	Những vấn đề trong ngôn ngữ học	Issues in Linguistics	BB		3	3	
2.6	ENC6105	Những vấn đề trong ngôn ngữ học ứng dụng	Issues in Applied Linguistics	BB		3	3	
2.7	ENC6109	Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội	Language, Culture and Society	BB		3	3	

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
2.8	ENC6108	Phân tích diễn ngôn	Discourse Analysis	BB		3	3						
2.9	ENC6107	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh nâng cao	Advanced Methodology of English Language Teaching	BB		3	2	1					
		<i>Chọn 5/7 học phần sau</i>				15							
2.10	ENC6110	Văn học trong giảng dạy tiếng Anh	Literature in English Language Teaching	TC		3	3						
2.11	ENC6111	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ	Language Testing and Assessment	TC		3	3						
2.12	ENC6112	Giao tiếp liên văn hóa	Intercultural Communication	TC		3	3						
2.13	ENC6113	Thiết kế tài liệu giảng dạy tiếng Anh	Materials Design in English Language Teaching	TC		3	3						
2.14	ENC6114	Công nghệ trong Giảng dạy tiếng Anh	Technology in English Language Teaching	TC		3	3						
2.15	ENC6115	Biên dịch trong giảng dạy tiếng Anh	Translation in English Language Teaching	TC		3	3						
2.16	ENC6116	Lý thuyết học tiếng	Theories of Language Learning	TC		3	3						
III. Kiến thức tốt nghiệp						15							
3.1	ENC6402	Chuyên đề thực tế	Practical Seminar	BB		6					X		

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ				Mã HP trước	Mã HP song hành	
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA			TT
3.2	ENC6403	Đề án tốt nghiệp	Minor Thesis	BB		9			X			
Tổng khối lượng kiến thức						60						

Ghi chú: BB: Bắt buộc; TC: Tự chọn; LT: Lý thuyết; TH: Thực hành; ĐA: Đồ án/ Khóa luận; TT: Thực tập, thực tế.

2.3. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến):

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý HP
		Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
	Học kỳ 1													
1	PHI6101	Triết học	Philosophy	BB			4	60	60				120	V.ĐTSDH
2	ENC6102	Chuyên đề viết học thuật	Seminar on Academic Writing	BB			3	45	30	15			90	V.ĐTSDH
3	ENC6103	Tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai	Second Language Acquisition	BB			3	45	45				90	V.ĐTSDH
4	ENC6104	Những vấn đề trong ngôn ngữ học	Issues in Linguistics	BB			3	45	45				90	V.ĐTSDH

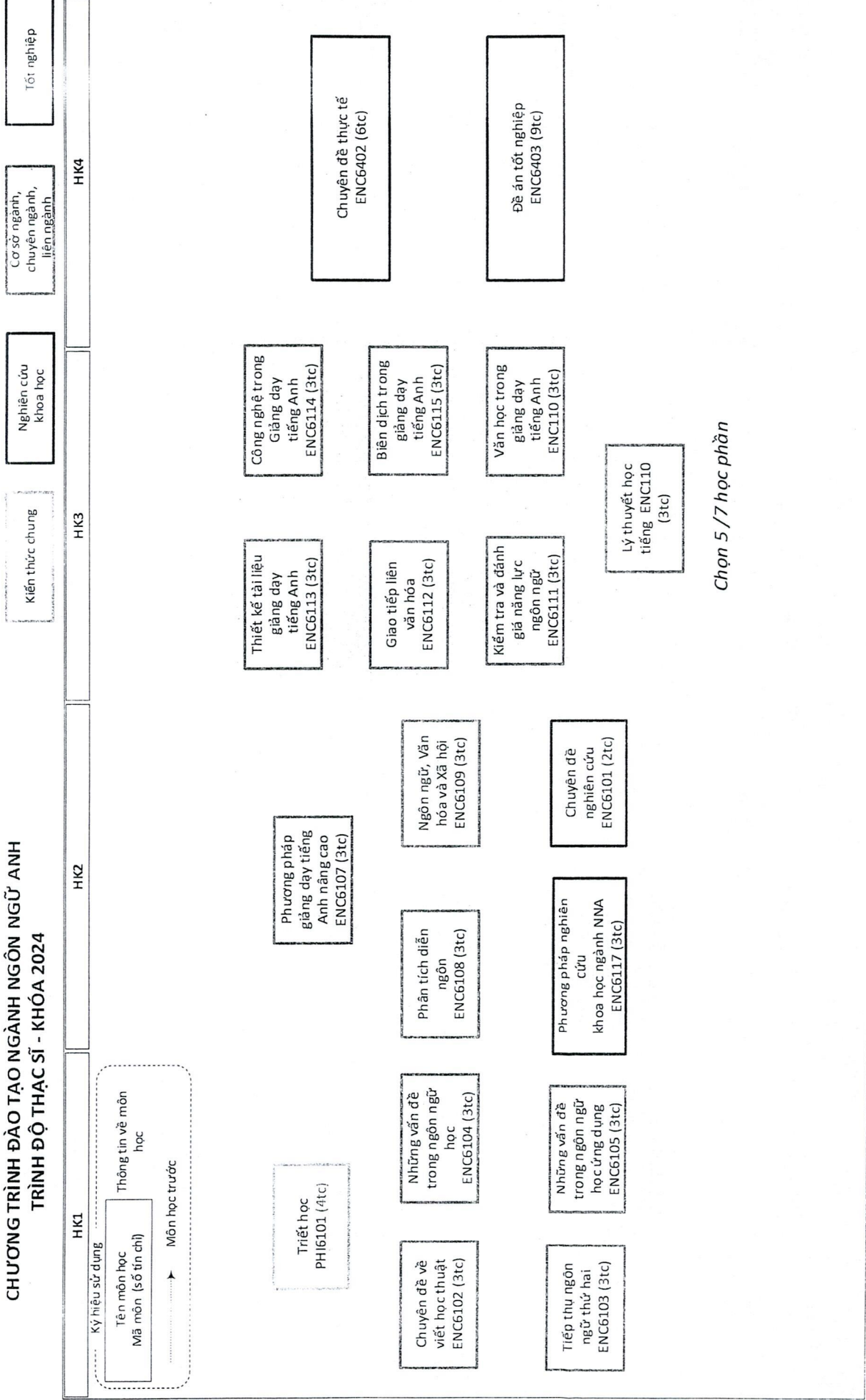
STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố số tiết				Đơn vị quản lý HP	
		Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)
5	ENC6105	Những vấn đề trong ngôn ngữ học ứng dụng	Issues in Applied Linguistics	BB			3	45	45				90	V.ĐTSDH
		Cộng					16	240	225	15			480	
		Học kỳ 2												
6	ENC6107	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh nâng cao	Advanced Methodology of English Language Teaching	BB			3	45	30	15			90	V.ĐTSDH
7	ENC6109	Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội	Language, Culture and Society	BB			3	45	45				90	V.ĐTSDH
8	ENC6108	Phân tích diễn ngôn	Discourse Analysis	BB			3	45	45				90	V.ĐTSDH
9	ENC6117	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Ngôn ngữ Anh	Research Methods in English Language Studies	BB			3	45	30	15			90	V.ĐTSDH
10	ENC6101	Chuyên đề nghiên cứu	Seminar on thesis writing	BB			2	30	15	15			60	V.ĐTSDH

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố số tiết			Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý HP
		Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA		
		Cộng					14	210	165	45		420	
	Học kỳ 3												
		<i>Chọn 5/7 học phần dưới đây</i>											
11	ENC6113	Thiết kế tài liệu giảng dạy tiếng Anh	Materials Design in English Language Teaching	TC			3	45	45			90	V.ĐTSDH
12	ENC 6112	Giao tiếp liên văn hóa	Intercultural Communication	TC			3	45	45			90	V.ĐTSDH
13	ENC6111	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ	Language Testing and Assessment	TC			3	45	45			90	V.ĐTSDH
14	ENC6114	Công nghệ trong giảng dạy tiếng Anh	Technology in English Language Teaching	TC			3	45	45			90	V.ĐTSDH
15	ENC6115	Biên dịch trong giảng dạy tiếng Anh	Translation in English Language Teaching	TC			3	45	45			90	V.ĐTSDH
16	ENC6110	Văn học trong	Literature in	TC			3	45	45			90	V.ĐTSDH

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết			Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý HP
		Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA		
		giảng dạy tiếng Anh	English Language Teaching										
17	ENC6116	Lý thuyết học tiếng	Theories of language learning	TC			3	45	45			90	V.ĐTSDH
		Cộng					15	225	225			450	
	Học kỳ 4												
19	ENC6402	Chuyên đề thực tế	Practical Seminar	BB			6	90		6		180	V.ĐTSDH
20	ENC6403	Đề án tốt nghiệp	Minor Thesis	BB			9	135		9		270	V.ĐTSDH
		Cộng					15			15		450	

2.4 Sơ đồ tiến trình đào tạo

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - KHÓA 2024



2.5. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
I. Kiến thức chung				
1.1	PHI6101	Triết học	4	<p>Học phần nhằm củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học kinh tế, xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Giúp học viên xác lập được thế giới quan, giá trị quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; rèn luyện được phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý tưởng sống cao đẹp, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng:</p> <p>Học phần có 8 chương, bao gồm: Mở đầu (chương 1. Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; Ba chương (chương 2. Bản thể luận; chương 3. Pháp biện chứng; chương 4. Nhận thức luận): bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn; Bốn chương (chương 5. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; chương 6. Triết học chính trị; chương 7. Ý thức xã hội; chương 8. Triết học về con người): bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người.</p>
II. Kiến thức ngành				
2.1	ENC6106	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Ngôn ngữ Anh	3	<p>Học phần là môn kiến thức ngành về nghiên cứu khoa học. Học phần này giúp học viên nắm được những kiến thức cơ bản và những cách tiếp cận cũng như phương pháp chính yếu trong nghiên cứu ngôn ngữ học (ngôn ngữ Anh). Học phần còn giúp học viên thực hành những kỹ năng, thủ thuật được sử dụng trong nghiên cứu như quan sát, phỏng vấn sâu, khảo sát thực địa, v.v. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu những loại hình nghiên cứu như bài báo đăng trên tạp chí, báo cáo hội nghị/hội thảo, tiểu luận, luận văn, luận án, công trình khoa học các cấp, sách khoa học trong ngành ngôn ngữ học và giảng dạy tiếng Anh. Đặc biệt, để hoàn thành học phần này, học viên sẽ thực hiện giờ tự học để phát triển trách</p>

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				nhiệm và năng lực tự học.
2.2	ENC6101	Chuyên đề nghiên cứu	2	Học phần là môn kiến thức ngành về nghiên cứu khoa học. Học phần cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng viết đề án tốt nghiệp. Nội dung chương trình bao gồm cách tổ chức, cấu trúc một luận văn theo từng chương. Kết thúc học phần, học viên có thể tự tin vận dụng kiến thức và kỹ năng thông qua các bài thực hành trong suốt học phần để viết một luận văn tốt nghiệp hoàn chỉnh.
2.3	ENC6102	Chuyên đề viết học thuật	3	Chuyên đề về viết học thuật là môn cơ sở ngành. Học phần này trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng viết các văn bản học thuật như tiểu luận, bài báo cáo tại hội nghị/hội thảo, bài báo đăng trên tạp chí, luận văn, v.v. Ngoài ra, học phần còn giúp học viên nâng cao ý thức về vấn đề đạo văn khi viết các văn bản học thuật.
2.4	ENC6103	Tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai	3	Học phần là môn cơ sở ngành, đóng vai trò nền tảng trong việc giảng dạy tiếng Anh và thiết kế chương trình đào tạo. Học phần này cung cấp cho học viên những lý thuyết cập nhật nhất về quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai và giúp học viên nhận biết được sự khác biệt giữa quá trình tiếp thu tiếng mẹ đẻ và tiếp thu ngôn ngữ thứ hai. Các cách tiếp cận nhằm giải thích quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai và các yếu tố ảnh hưởng đến việc học ngôn ngữ thứ hai cũng được phân tích trong học phần nhằm giúp học viên hiểu rõ và vận dụng các kiến thức này vào việc giảng dạy tiếng Anh. Học phần cũng trang bị cho sinh viên kiến thức về phương pháp nghiên cứu đặc thù trong lĩnh vực và thảo luận các đề tài nghiên cứu có tiềm năng trong tương lai.
2.5	ENC6104	Những vấn đề trong ngôn ngữ học	3	Học phần hướng dẫn người học cách tiếp cận nghiên cứu ngôn ngữ một cách khoa học và biện chứng, và thảo luận những chủ đề truyền thống trong ngôn ngữ học cấu trúc, bao gồm ngữ âm và âm vị học, hình thái học, cú pháp và ngữ nghĩa học, cũng như thảo luận những chủ đề cập nhật nhất trong ngôn ngữ học cấu trúc và ngôn ngữ học hiện đại như ngữ pháp phổ quát, tiếp thu ngôn ngữ ở trẻ, đa dạng và biến đổi ngôn ngữ. Đồng thời, học phần chú trọng vào cung cấp công cụ và trang bị kỹ năng phân tích ngôn ngữ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				cho người học.
2.6	ENC6105	Những vấn đề trong ngôn ngữ học ứng dụng	3	Học phần này giới thiệu cho học viên những vấn đề liên quan đến việc vận dụng kiến thức ngôn ngữ học trong giảng dạy tiếng Anh, nghiên cứu, giải quyết các vấn đề chuyên môn và trong cuộc sống. Học phần tập trung vào 2 mảng nội dung chính: (1) các kiến thức liên quan đến các lĩnh vực các yếu tố ngôn ngữ và kỹ năng tiếng; (2) các yếu tố tâm lý trong quá trình dạy, học và sử dụng tiếng Anh. Đối với mảng kiến thức thứ 1, học viên sẽ tìm hiểu về các đặc trưng về từ vựng, phát âm, ngữ pháp của tiếng Anh và quá trình phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cũng như chiến lược học tập và giảng dạy các nhóm kỹ năng này. Với mảng kiến thức thứ 2: học viên sẽ được cung cấp các kiến thức liên quan đến sự khác biệt giữa người học ngoại ngữ, động lực học ngoại ngữ, yếu tố tự chủ động trong học tập và các vấn đề tâm lý khác khác như bản ngã và tính chủ thể.
2.7	ENC6107	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh nâng cao	3	Học phần này không chỉ cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp giảng dạy tiếng Anh ở các trình độ khác nhau mà còn trang bị cho học viên kiến thức sâu rộng về phương pháp dạy tiếng Anh nâng cao và việc ứng dụng công nghệ vào giảng dạy. Ngoài ra, học phần còn giúp học viên nâng cao ý thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm với xã hội, và có khả năng nghiên cứu độc lập và học tập suốt đời.
2.8	ENC6108	Phân tích diễn ngôn	3	Học phần là môn cơ sở ngành. Học phần cung cấp cho học viên kiến thức liên quan đến phân tích diễn ngôn. Học phần này cũng chỉ ra tính hữu ích của nghiên cứu diễn ngôn trong việc dạy và học ngôn ngữ. Ngoài ra, học viên sẽ có cơ hội tìm hiểu tính liên môn của học phần này với các học phần như ngữ dụng học và ngôn ngữ học xã hội. Đặc biệt, để hoàn thành học phần này, học viên sẽ thực hiện giờ tự học để phát triển trách nhiệm và năng lực tự học.
2.9	ENC6111	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ	3	Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức liên quan đến việc kiểm tra và đánh giá năng lực tiếng Anh của người học, bao gồm các dạng thức bài kiểm tra, nguyên lý của việc kiểm tra và đánh

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				giá năng lực và các thuộc tính cần thiết của một bài kiểm tra. Từ đó, học viên có thể vận dụng các kiến thức này vào việc đánh giá và thiết kế các dạng thức câu hỏi khác nhau cho các bài kiểm tra cho các kỹ năng ngôn ngữ riêng biệt. Bên cạnh đó, học viên được tiếp cận với các cho điểm khác nhau, và tìm hiểu về ý nghĩa của các điểm số cùng với các phương thức đánh giá từ phía người học như việc tự đánh giá hoặc người học hỗ trợ đánh giá lẫn nhau.
2.10	ENC6109	Ngôn ngữ, Văn hóa và Xã hội	3	Học phần giới thiệu cho học viên những vấn đề chính trong ngôn ngữ xã hội học và giúp họ hiểu sâu các mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn hóa và xã hội và giúp cho học viên có thể sử dụng ngôn ngữ một cách phù hợp với ngữ cảnh và mục đích giao tiếp cũng như các khía cạnh liên quan. Học viên có cơ hội để tìm hiểu và thảo luận về các vấn đề liên quan trong khóa học bao gồm ngôn ngữ, văn hóa và ngữ cảnh giao tiếp, các đặc trưng của quá trình tương tác xã hội, giao tiếp liên văn hóa, phép lịch sự, yếu tố giới tính trong việc sử dụng ngôn ngữ, các biến thể của tiếng Anh trên thế giới và áp dụng các kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và xã hội trong giảng dạy tiếng Anh và hoạt động dịch thuật.
2.11	ENC6110	Văn học trong giảng dạy tiếng Anh	3	Học phần cung cấp cho người học hiểu rõ các định nghĩa, khái niệm cơ bản về các thể loại điển hình trong văn học như tiểu thuyết (phi) hư cấu, truyện ngắn, thơ, kịch. Trong và sau khóa học, người học có thể vận dụng sáng tạo kiến thức đã tiếp thu được để tìm ra phương pháp dạy học hợp lý khi tiếp cận đa dạng các thể loại văn học và biết cách tổ chức các giờ văn học hiệu quả để nâng cao hiệu quả dạy và học ngoại ngữ.
2.12	ENC 6112	Giao tiếp liên văn hóa	3	Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về giao tiếp liên văn hóa. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho học viên cơ hội nghiên cứu các quan điểm khác nhau về văn hóa và giao tiếp qua hoạt động phân tích, thảo luận và thuyết trình. Những nguồn tài liệu khác nhau như văn bản, bài báo, tài liệu, phim, vv giúp học viên mở rộng kiến thức về giao tiếp liên văn hóa.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
2.13	ENC6113	Thiết kế tài liệu giảng dạy tiếng Anh	3	Học phần cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng thiết kế tài liệu giảng dạy tiếng Anh. Nội dung chương trình bao gồm giới thiệu các loại tài liệu được sử dụng trên thế giới, mối liên hệ giữa tài liệu và công nghệ, mối liên hệ giữa tài liệu và giáo viên, cách thu thập dữ liệu và phát triển nguồn tài liệu, quy trình viết và đánh giá tài liệu và các ý tưởng phát triển tài liệu. Kết thúc học phần, học viên có thể tự tin vận dụng kiến thức và kinh nghiệm thông qua các bài thực hành trong suốt khóa học để thiết kế tài liệu giảng dạy cho một môn học.
2.14	ENC6114	Công nghệ trong Giảng dạy tiếng Anh	3	Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giảng dạy như là sử dụng các ứng dụng giao tiếp trên mạng để quản lý lớp học cũng như nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh. Học phần này cũng giúp học viên hiểu được lợi ích và hạn chế của việc ứng dụng CNTT trong công tác giảng dạy từ đó có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về kỹ thuật và chuyên môn để chủ động trong giảng dạy. Đặc biệt hơn nữa, học viên được học cách thiết kế các trang web, các khóa học trên mạng cũng như các trang mạng xã hội nhằm phát triển việc dạy và học ngày càng chuyên nghiệp theo hướng dễ tiếp cận với người học ngoại ngữ.
2.15	ENC6115	Biên dịch trong giảng dạy tiếng Anh	3	Học phần giới thiệu cho học viên những kiến thức nền tảng về các lý thuyết dịch, kỹ thuật biên dịch và ứng dụng dịch thuật vào trong lớp học ngoại ngữ, đặc biệt chú trọng việc ứng dụng vào lớp học tiếng Anh. Học phần tập trung vào phân tích tâm quan trọng của các yếu tố ngôn ngữ chức năng, văn-hóa xã hội trong dịch thuật, dựa vào đó đưa ra những cách tiếp cận cho việc sử dụng dịch thuật trong giảng dạy ngôn ngữ. Học phần cũng giúp học viên làm quen với việc đọc và phân tích một nghiên cứu khoa học có nội dung liên quan tới giảng dạy và dịch thuật.
2.16	ENC6116	Lý thuyết học tiếng	3	Học phần này là một trong các môn học chuyên ngành của chương trình Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh. Học phần được thực hiện trong thời lượng 45 tiết. Học phần nhằm cung cấp cho học viên kiến thức nâng cao về lý thuyết về học tiếng (thuyết hành vi, tri nhận, kiến tạo, tương tác và kết nối)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				và yếu tố ảnh hưởng đến quá trình dạy-học tiếng. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp cho học viên các kiến thức về quan điểm liên quan đến việc học tiếng. Cuối cùng, thông qua các bài giảng, thảo luận và bài nghiên cứu, học viên sẽ liên kết giữa kiến thức và thực tiễn dạy và học tiếng ở Việt Nam. Đặc biệt, để hoàn thành học phần này, học viên sẽ thực hiện giờ tự học để phát triển trách nhiệm và năng lực tự học.
III. Kiến thức tốt nghiệp				
3.1	ENC6402	Chuyên đề thực tế	6	Học phần này giúp học viên thực hành chuyển tải các kiến thức trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh và giảng dạy tiếng Anh thành một chuyên đề nghiên cứu một vấn đề lý luận hoặc một vấn đề thực tiễn tại đơn vị thực tập/đơn vị đang công tác và thể hiện chúng qua việc trình bày chuyên đề. Kết quả nghiên cứu sẽ làm rõ những căn cứ cho việc chọn đề tài cho đề án tốt nghiệp
3.2	ENC6403	Đề án tốt nghiệp	9	Học phần này giúp học viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động ngành, chuyên ngành được đào tạo. Học viên phải trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức một đề án tốt nghiệp.

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO:

1. Chương trình đào tạo được tổ chức thực hiện theo kế hoạch giảng dạy và học tập từng năm học của Trường.
2. Các học phần trong chương trình đào tạo được phân định quản lý cho Viện đào tạo sau đại học và các Trường ngành đào tạo sau đại học.
3. Việc thiết kế các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá, phân tích kết quả học tập của người học được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Trường về việc lựa chọn phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.
4. Các học phần được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất được Hiệu trưởng ban hành.
5. Việc tổ chức giảng dạy và học tập, kiểm tra, đánh giá học phần, xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần và các quy chế, quy định có liên

quan khác của Trường.

6. Đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định của Trường. Đơn vị quản lý học phần phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của học phần theo quy định của Trường.

7. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định tại Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, ban hành theo Quyết định số 714/QĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật mỗi 02 năm một lần; kết quả rà soát, đánh giá được đơn vị quản lý chương trình áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

9. Trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo, nếu phát sinh yêu cầu cần thiết phải điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải làm tờ trình nêu rõ căn cứ/ lý do của việc điều chỉnh, phạm vi áp dụng, thời điểm bắt đầu áp dụng, nội dung đề nghị điều chỉnh và dự kiến tác động của việc điều chỉnh chương trình đào tạo; kèm theo biên bản họp Hội đồng khoa và các minh chứng cần thiết khác. Việc đề xuất điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo không được làm ảnh hưởng đến kế hoạch đào tạo của học kỳ hiện tại. Viện Đào tạo sau đại học tiếp nhận tờ trình từ trường ngành sau đại học, rà soát và có ý kiến, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

10. Khi có thay đổi về giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo hoặc theo yêu cầu điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần phải được rà soát và cập nhật. Viện Đào tạo sau đại học tổ chức việc rà soát, cập nhật, ghi rõ thời điểm áp dụng đề cương chi tiết mới cập nhật. Đề cương chi tiết sau khi hoàn tất cập nhật được Trường ngành sau đại học gửi cho Viện Đào tạo sau đại học rà soát, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

11. Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo. /.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thanh Giang